

QUYỀN HẠN CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THẨM VỤ ÁN DÂN SỰ THEO QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT TỔ TỤNG DÂN SỰ

*Nguyễn Thị Thu Hà**

Theo quy định tại Điều 275 Bộ luật Tố tụng Dân sự (BLTTDS) thì Hội đồng xét xử (HĐXX) phúc thẩm có các quyền sau: Giữ nguyên bản án sơ thẩm; sửa bản án sơ thẩm; huỷ bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án; huỷ bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án. Tuy nhiên, các căn cứ để HĐXX phúc thẩm ra các quyết định này chưa đầy đủ, cụ thể và rõ ràng dẫn đến các cơ quan tiến hành tố tụng thường lúng túng và vướng mắc khi ra các quyết định về việc giải quyết vụ án.

1. Quyền giữ nguyên bản án sơ thẩm

Do không có hướng dẫn cụ thể căn cứ để HĐXX phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm nên có nhiều cách hiểu khác nhau về quyền hạn này.

Cách hiểu thứ nhất, tòa án cấp phúc thẩm bác kháng cáo, kháng nghị và giữ nguyên bản án sơ thẩm nếu kháng cáo, kháng nghị không được chấp nhận về hình thức hoặc về nội dung¹.

Cách hiểu thứ hai, tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm khi kháng cáo, kháng nghị là hợp lệ nhưng các nội dung của kháng cáo, kháng nghị không có căn cứ và tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đúng.

Có thể nhận thấy rằng, cả hai cách hiểu này đều thống nhất tòa án cấp phúc thẩm bác kháng cáo, kháng nghị do kháng cáo, kháng nghị không được chấp nhận về nội dung.

Điều này có nghĩa là kháng cáo, kháng nghị là hợp lệ nhưng không có căn cứ, các yêu cầu nêu trong kháng cáo, kháng nghị không được chấp nhận do bản án sơ thẩm là hoàn toàn có căn cứ và hợp pháp. Tuy nhiên, có nhiều trường hợp tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đúng, nhưng tòa án cấp phúc thẩm không thể quyết định giữ nguyên bản án sơ thẩm do không có điều kiện để xét xử phúc thẩm.

Ví dụ: Bản án sơ thẩm tuyên A có nghĩa vụ cấp dưỡng cho B 1 triệu đồng/1 tháng trong thời hạn 5 năm. Sau khi tòa sơ thẩm tuyên án, A kháng cáo cho rằng mức cấp dưỡng này quá cao. Khi tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm, chị B bị chết nên tòa án cấp phúc thẩm căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 260 BLTTDS ra quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm.

Ngoài ra, theo cách hiểu thứ nhất thì tòa án cấp phúc thẩm còn bác kháng cáo, kháng nghị và giữ nguyên bản án sơ thẩm do kháng cáo, kháng nghị không được chấp nhận về hình thức. Đây là trường hợp kháng cáo, kháng nghị không thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự như người kháng cáo, kháng nghị không có quyền kháng cáo, kháng nghị; kháng cáo, kháng nghị không đúng thủ tục và thời hạn do pháp luật quy định. Theo chúng tôi, về nguyên tắc, việc kiểm tra đơn kháng cáo thuộc về tòa án cấp sơ thẩm và nếu kháng cáo không hợp lệ thì theo hướng dẫn tại Mục 4, 5 Nghị quyết số 05/2006/NQ-HĐTP ngày 04/08/2006 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định trong Phần thứ ba “Thủ tục giải quyết vụ án tại tòa án cấp phúc thẩm” của BLTTDS (NQ số 05/2006/NQ-HĐTP), tòa

* ThS. Luật học, Đại học Luật Hà Nội.

¹ Xem: Đào Duy Vương, Thủ tục giải quyết vụ án dân sự tại tòa án cấp phúc thẩm theo pháp luật Việt Nam, Luận văn thạc sĩ Luật học, Hà Nội, 2007, tr. 30.

án cấp sơ thẩm trả lại đơn kháng cáo hoặc yêu cầu người kháng cáo sửa đổi, bổ sung đơn kháng cáo hoặc giải quyết theo thủ tục kháng cáo quá hạn. Còn nếu tòa án cấp sơ thẩm khi kiểm tra đơn kháng cáo không phát hiện ra điều này mà tòa án cấp phúc thẩm khi giải quyết vụ án mới phát hiện ra thì tòa án cấp phúc thẩm không bác kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm được vì kháng cáo, kháng nghị không hợp lệ không làm phát sinh thủ tục phúc thẩm, tòa án cấp phúc thẩm không có đối tượng xét xử để mà bác kháng cáo, kháng nghị. Do đó, Điều 275 BLTTDS không quy định căn cứ giữ nguyên bản án sơ thẩm và bác kháng cáo, kháng nghị của HĐXX phúc thẩm là một thiếu sót cần phải được bổ sung. Bởi lẽ, không quy định căn cứ áp dụng quyền hạn của HĐXX thì việc HĐXX ra quyết định hoàn toàn căn cứ vào ý chí chủ quan của mình để giải quyết mà không dựa trên các căn cứ pháp lý. Bên cạnh đó, tòa án cấp trên cũng không có cơ sở để xác định việc giải quyết của tòa án cấp phúc thẩm là đúng hay sai.

Về căn cứ để HĐXX phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm, có ý kiến cho rằng, “HĐXX phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm khi thấy bản án sơ thẩm đã áp dụng giải quyết đúng các quy định của pháp luật”². Ý kiến này có điểm đúng đắn nhưng chưa hoàn toàn chính xác trong mọi trường hợp. Theo quy định tại Điều 265, khoản 2 Điều 266, khoản 1 Điều 269 và Điều 275 BLTTDS, ngoài quyền giữ nguyên bản án sơ thẩm và bác kháng cáo, kháng nghị thì HĐXX phúc thẩm còn có quyền sửa bản án sơ thẩm; hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án hoặc để đình chỉ giải quyết vụ án; đình chỉ xét xử phúc thẩm và giữ nguyên bản án sơ thẩm. Vì vậy, cần phải loại trừ các căn cứ để HĐXX phúc thẩm ra quyết định sửa bản án sơ thẩm được quy định tại Điều 276 và Điều 270 BLTTDS; hủy bản án sơ

thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án được quy định tại Điều 277 BLTTDS; hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án được quy định tại Điều 278 và Điều 269 BLTTDS; đình chỉ xét xử phúc thẩm và giữ nguyên bản án sơ thẩm được quy định tại Điều 260 và khoản 2 Điều 266 BLTTDS. Do đó, chúng tôi kiến nghị bổ sung căn cứ bác kháng cáo, kháng nghị và giữ nguyên bản án sơ thẩm như sau: “HĐXX phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm và bác kháng cáo, kháng nghị nếu kháng cáo, kháng nghị hợp lệ nhưng không có căn cứ và không thuộc trường hợp quy định tại Điều 260, khoản 2 Điều 266, Điều 269, 270, 276, 277 và 278 BLTTDS”.

2. Quyền sửa bản án sơ thẩm

Điều 276 BLTTDS quy định: Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa một phần hoặc toàn bộ bản án sơ thẩm nếu tòa án cấp sơ thẩm quyết định không đúng pháp luật trong các trường hợp sau đây:

- Việc chứng minh và thu thập chứng cứ đã thực hiện đầy đủ và theo đúng quy định tại Chương VII BLTTDS;

- Việc chứng minh và thu thập chứng cứ chưa thực hiện đầy đủ ở cấp sơ thẩm nhưng tại phiên tòa phúc thẩm đã được bổ sung đầy đủ.

Trước đây, Điều 69 Pháp lệnh Thủ tục giải quyết các vụ án dân sự chỉ quy định HĐXX phúc thẩm có quyền sửa bản án, quyết định sơ thẩm mà không quy định quyền sửa một phần bản án, quyết định sơ thẩm. Do đó, khi việc giải quyết vụ án của tòa án cấp sơ thẩm chỉ sai sót một phần thì tòa án cấp phúc thẩm không có căn cứ pháp lý để sửa một phần bản án, quyết định sơ thẩm. Và sự thiếu sót này của Pháp lệnh Thủ tục giải quyết các vụ án dân sự đã được bổ sung trong BLTTDS.

Như vậy, quyền sửa một phần hoặc toàn bộ bản án, quyết định sơ thẩm là quyền riêng biệt của HĐXX phúc thẩm mà HĐXX giám đốc thẩm, tái thẩm không có. Sở dĩ có sự

² Xem: Đào Duy Vương, Luận văn đã dẫn, tr. 112.

khác biệt này bởi tính chất của phúc thẩm là việc xét xử lại vụ án dân sự mà một phần hoặc toàn bộ bản án, quyết định sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật bị kháng cáo, kháng nghị, nên khi xét xử lại vụ án dân sự phát hiện thấy tòa án cấp sơ thẩm giải quyết chưa chính xác thì HĐXX phúc thẩm có quyền sửa bản án, quyết định sơ thẩm. Còn giám đốc thẩm, tái thẩm không phải là cấp xét xử, HĐXX giám đốc thẩm, tái thẩm chỉ xét lại các bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật nên khi phát hiện bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật không có căn cứ hoặc không hợp pháp thì HĐXX giám đốc thẩm, tái thẩm không được sửa bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật mà chỉ có thể hủy bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật để xét xử lại hoặc hủy bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật và đình chỉ giải quyết vụ án.

Theo quy định của BLTTDS, việc sửa một phần hoặc toàn bộ bản án sơ thẩm là trong trường hợp việc chứng minh và thu thập chứng cứ đã được thực hiện đầy đủ. Có thể là việc chứng minh và thu thập chứng cứ được thực hiện đầy đủ ở tòa án cấp sơ thẩm hoặc được bổ sung đầy đủ ở tòa án cấp phúc thẩm. Với những chứng cứ được xem xét ở giai đoạn sơ thẩm và chứng cứ được bổ sung ở phúc thẩm thì tòa án cấp phúc thẩm nhận thấy tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định không đúng pháp luật. Hay nói cách khác, tòa án cấp sơ thẩm đã có sai lầm trong việc áp dụng pháp luật nội dung để giải quyết vụ án. Đây là các sai lầm trong việc lựa chọn quy phạm pháp luật nội dung để áp dụng như không áp dụng điều luật trong trường hợp cần áp dụng, áp dụng văn bản pháp luật đã hết hiệu lực hoặc áp dụng không đúng các điều luật, không đúng nội dung quy định của điều luật. Ví dụ: Tòa án sơ thẩm quyết định mức bồi thường không tương xứng với mức độ thiệt hại xảy ra, tòa án áp dụng quy định của Luật Hôn nhân - gia đình năm 2000 về hủy hôn nhân trái pháp luật để giải quyết yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng...

Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng, BLTTDS quy định HĐXX phúc thẩm sửa án sơ thẩm trong trường hợp tòa án cấp sơ thẩm quyết định không đúng pháp luật nếu việc chứng minh và chứng cứ đã được bổ sung đầy đủ ở tòa án cấp phúc thẩm là chưa hợp lý. Bởi lẽ, hoạt động áp dụng pháp luật để giải quyết vụ án dân sự của tòa án được thực hiện sau khi tòa án đã xem xét, đánh giá các tình tiết, sự kiện thực tế của vụ án. Như vậy, sai lầm trong áp dụng pháp luật có thể xảy ra trong hai trường hợp:

- Các tình tiết, sự kiện đã được tòa án cấp sơ thẩm làm sáng tỏ, tòa án đã xác định đầy đủ và chính xác được các tình tiết có ý nghĩa cho việc giải quyết vụ án nhưng khi áp dụng pháp luật nội dung để giải quyết vụ án thì tòa án cấp sơ thẩm lại áp dụng không đúng;

- Tòa án cấp sơ thẩm xác định không đúng hoặc không chính xác những tình tiết có ý nghĩa cho việc giải quyết vụ án, tức là có sai lầm trong xác định sự thật khách quan của vụ án, nhưng với những chứng cứ cũ và chứng cứ mới được bổ sung tại tòa án cấp phúc thẩm thì sự thật của vụ án đã được làm sáng tỏ và đương nhiên việc áp dụng pháp luật nội dung của tòa án cấp sơ thẩm cũng trở thành không chính xác.

Trong hai trường hợp này thì trường hợp thứ hai bản chất là sai lầm trong xác định sự thật khách quan của vụ án chứ không phải là sai lầm trong áp dụng pháp luật nội dung. Trường hợp thứ nhất mới là sai lầm trong việc áp dụng pháp luật. Do đó, Điều 276 BLTTDS cần sửa lại theo hướng:

Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa một phần hoặc toàn bộ bản án sơ thẩm trong các trường hợp sau đây:

1. *Tòa án cấp sơ thẩm có sai lầm trong việc áp dụng pháp luật;*

2. *Tòa án cấp phúc thẩm xác định được những tình tiết có ý nghĩa cho việc giải quyết vụ án trên cơ sở các chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét và chứng cứ bổ sung.*

3. Quyền hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án

Theo quy định tại Điều 277 BLTTDS thì HĐXX phúc thẩm có quyền hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại trong các trường hợp sau:

Thứ nhất, việc chứng minh và thu thập chứng cứ không theo đúng quy định tại Chương VII BLTTDS hoặc chưa được thực hiện đầy đủ mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được.

Như vậy, HĐXX phúc thẩm có thể hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại trong hai trường hợp:

- Việc chứng minh và thu thập chứng cứ không theo đúng quy định tại Chương VII BLTTDS.

Chứng minh và chứng cứ là vấn đề cơ bản trong tố tụng dân sự, mang tính chất quyết định đến kết quả giải quyết vụ án dân sự, làm cơ sở cho tòa án giải quyết vụ án dân sự được chính xác và đúng pháp luật. Do đó, việc chứng minh và thu thập chứng cứ phải được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bất kỳ một tòa án nào khi ra quyết định về việc giải quyết vụ án dân sự đều phải xác định những tình tiết, sự kiện nào trong vụ án dân sự cần phải chứng minh? Những tin tức, dấu vết mà các chủ thể cung cấp có thỏa mãn 3 thuộc tính khách quan, liên quan và hợp pháp của chứng cứ hay không? Nó có được rút ra từ nguồn hợp pháp được quy định tại Điều 82, 83 BLTTDS không? Những chứng cứ đó có được giao nộp, thu thập, củng cố, nghiên cứu và đánh giá theo một trình tự, thủ tục do BLTTDS quy định hay không? Những chứng cứ này đã đủ cơ sở giải quyết vụ án hay chưa? Trong trường hợp việc chứng minh và thu thập chứng cứ không thực hiện đúng các quy định này thì bị coi là không hợp pháp và là căn cứ để tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ về cho tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại.

- Việc chứng minh và thu thập chứng cứ chưa được thực hiện đầy đủ mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được. Đây là trường hợp tòa án cấp sơ thẩm khi giải quyết vụ án đã không xác định được đầy đủ các chứng cứ, tài liệu để giải quyết vụ án, nhưng tòa án vẫn giải quyết vụ án nên quyết định của tòa án cấp sơ thẩm là thiếu cơ sở thực tế như chưa yêu cầu đương sự cung cấp các chứng cứ cần thiết, không lấy lời khai của người làm chứng mà lời khai của họ có ý nghĩa quan trọng đối với vụ án, không tiến hành trung cầu giám định theo yêu cầu của đương sự, không tiến hành đối chất trong trường hợp lời khai của các đương sự mâu thuẫn nhau hoặc mâu thuẫn với lời khai của người làm chứng, thiếu các chứng cứ dẫn đến xác định sai quan hệ pháp luật tranh chấp... Nhưng việc thu thập chứng cứ chưa thực hiện đầy đủ để là căn cứ tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại phải đảm bảo điều kiện là tòa án cấp phúc thẩm không thể bổ sung được. Điều này có nghĩa, việc thiếu các chứng cứ quan trọng để giải quyết vụ án không thể khắc phục được ở tòa án cấp phúc thẩm nên tòa án cấp phúc thẩm phải hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại.

Tuy nhiên, hiện nay việc thu thập chứng cứ theo quy định của BLTTDS đã có sự thay đổi căn bản. Các pháp lệnh trước đây quy định, bên cạnh việc đương sự có nghĩa vụ chứng minh thì tòa án có nghĩa vụ điều tra, thu thập chứng cứ bảo đảm việc giải quyết vụ án được chính xác. Do đó, trong trường hợp tòa án thực hiện nghĩa vụ điều tra không đầy đủ, không xác định được đầy đủ các chứng cứ cho việc giải quyết vụ án thì tòa án cấp sơ thẩm phải chịu hậu quả của việc điều tra không đầy đủ đó là bản án sơ thẩm bị hủy và tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án. Còn hiện nay, theo quy định của BLTTDS, nghĩa vụ cung cấp chứng cứ và chứng minh là thuộc các đương sự. Tòa án không có nghĩa vụ điều tra, thu thập chứng cứ trừ một số trường hợp đặc biệt theo quy định của

pháp luật để bảo đảm sự khách quan, vô tư và công minh trong việc phân xử vụ án, tôn trọng quyền tự định đoạt của đương sự cũng như phát huy tính tích cực, chủ động của các đương sự. Tòa án là người đánh giá, đối chiếu và kiểm tra chứng cứ, lựa chọn quy phạm pháp luật phù hợp đối với vụ án cần giải quyết và ra bản án, quyết định trong đó xác định quyền và nghĩa vụ của các bên đương sự. Do đó, việc thu thập chứng cứ không đầy đủ của tòa án cấp sơ thẩm không hẳn hoàn toàn do lỗi của tòa án mà do đương sự đã không cung cấp đầy đủ chứng cứ cho tòa án. Vì vậy, việc hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại với căn cứ việc chứng minh và thu thập chứng cứ chưa được thực hiện đầy đủ mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được là không phù hợp với quy định về trách nhiệm thu thập chứng cứ trong BLTTDS. Do đó, BLTTDS cần phải sửa đổi quy định về căn cứ hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại, nhưng sửa đổi như thế nào là vấn đề còn có ý kiến khác nhau.

Ý kiến thứ nhất: HĐXX phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án trong các trường hợp sau đây: 1) Quyết định của bản án sơ thẩm không phù hợp với những tình tiết khách quan của vụ án hoặc có sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được; 2) Có tình tiết mới làm thay đổi nội dung vụ án mà không giải quyết được tại cấp phúc thẩm³.

Ý kiến thứ hai: HĐXX phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án trong trường hợp sau đây: Việc nhận định và quyết định của bản án sơ thẩm có sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật⁴.

Cả hai ý kiến đều thống nhất rằng hủy bản án, quyết định sơ thẩm và tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại trong trường hợp có sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật. Như chúng tôi đã phân tích ở phần trên thì ý kiến này đã có sự nhầm lẫn với trường hợp sửa án theo Điều 276 BLTTDS, bởi sai lầm trong áp dụng pháp luật để giải quyết vụ án được áp dụng khi tòa án cấp sơ thẩm đã thu thập được đầy đủ chứng cứ và các tình tiết có ý nghĩa cho việc giải quyết vụ án đã được làm sáng tỏ, nhưng khi áp dụng pháp luật nội dung để giải quyết vụ án thì lại áp dụng không đúng và tòa án cấp phúc thẩm trong trường hợp này sẽ sửa án chứ không hủy án sơ thẩm để xét xử sơ thẩm lại.

Ngoài ra, ý kiến thứ nhất còn cho rằng, HĐXX phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án khi quyết định của bản án sơ thẩm không phù hợp với những tình tiết khách quan của vụ án mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được hoặc có tình tiết mới làm thay đổi nội dung vụ án mà không giải quyết được tại cấp phúc thẩm. Theo chúng tôi, việc chia làm hai trường hợp để hủy bản án, quyết định như ý kiến này chỉ phù hợp ở thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm, còn ở phúc thẩm việc hủy án sơ thẩm để xét xử sơ thẩm lại chỉ cần quy định một trường hợp là kết luận trong bản án sơ thẩm không phù hợp với những tình tiết khách quan của vụ án mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Bởi lẽ, tòa án cấp sơ thẩm khi ra quyết định giải quyết vụ án không chỉ căn cứ vào quy định của pháp luật mà còn phải dựa vào căn cứ thực tiễn tức là phải giải quyết vụ án phù hợp với thực tế khách quan. Theo quy định của BLTTDS, hiện nay trên cơ sở các chứng cứ do đương sự cung cấp và chứng cứ do tòa án thu thập (trong những trường hợp do pháp luật quy định) thì trách nhiệm của tòa án cấp sơ thẩm là xác định chứng cứ trong vụ án đã đầy đủ hay chưa, đối chiếu, kiểm tra và đánh giá chứng cứ một cách khách quan, toàn diện, đầy đủ và chính

³ Xem: Hoàng Thị Bích Hải, Phiên tòa phúc thẩm dân sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự Việt Nam, Luận văn thạc sĩ Luật học, Hà Nội, 2009, tr. 88.

⁴ Xem: Đào Duy Vương, Luận văn đã dẫn, tr. 116.

xác. Trên cơ sở các chứng cứ đó, tòa án cấp sơ thẩm xác định chính xác, đầy đủ các tình tiết có ý nghĩa cho việc giải quyết vụ án, lựa chọn quy phạm pháp luật phù hợp đối với vụ án cần giải quyết và ra bản án, quyết định xác định quyền và nghĩa vụ của các bên đương sự. Tuy nhiên, khi tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án lại phát hiện kết luận trong bản án sơ thẩm không phù hợp với các tình tiết khách quan của vụ án. Việc không phù hợp này có thể xảy ra trong hai trường hợp:

- Thẩm phán không xác định đầy đủ, chính xác những tình tiết, sự kiện cần phải chứng minh trong vụ án. Kết luận trong bản án, quyết định của tòa án cấp sơ thẩm không phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như chứng cứ được kiểm tra, đánh giá, tranh tụng công khai tại phiên tòa. Thẩm phán không nghiên cứu, đánh giá hết các chứng cứ cần thiết cho việc giải quyết vụ án cũng như chứng cứ trong hồ sơ vụ án chưa đủ cơ sở để tòa án ra một phán quyết đúng đắn về việc giải quyết vụ án. Những sai lầm này đều dẫn đến quyết định của tòa án cấp sơ thẩm không phù hợp với thực tế khách quan. Ví dụ: Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán nhà, đất nhưng không hỏi rõ đương sự về tài sản trên đất có từ thời điểm nào, do ai tạo lập, xây dựng và không xem xét hiện trạng đất nên tòa án buộc người mua trả nhà và đất cho người bán mà không xem xét việc người mua đã xây dựng, cải tạo, sửa chữa nhà trên đất từ trước khi giải quyết vụ án.

- Kết luận trong bản án sơ thẩm căn cứ vào chứng cứ, tài liệu đã được kiểm tra, đánh giá công khai tại phiên tòa, nhưng ở giai đoạn phúc thẩm, đương sự, viện kiểm sát bổ sung chứng cứ dẫn đến vụ án xuất hiện những tình tiết mới làm thay đổi nội dung vụ án và làm cho bản án sơ thẩm trở nên không đúng đắn và không phù hợp với thực tế khách quan. Ví dụ: Tòa án cấp sơ thẩm quyết định anh A là cha của đứa trẻ B dựa trên kết luận giám định của giám định viên C. Tuy nhiên, anh A kháng cáo và xuất

trình chứng cứ chứng minh rằng giám định viên C cố tình kết luận sai và lập tức bản án sơ thẩm trở thành không đúng đắn.

Tuy nhiên, nếu các sai sót này của tòa án cấp sơ thẩm được khắc phục ở tòa án cấp phúc thẩm thì tòa án cấp phúc thẩm sẽ sửa án, còn nếu tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được thì hủy án và trả về cho tòa án sơ thẩm giải quyết lại.

Ngoài ra, việc chứng minh và thu thập chứng cứ không đúng quy định của BLTTDS chính là việc tòa án đã vi phạm các quy định pháp luật tố tụng dân sự về thủ tục tố tụng thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 277 BLTTDS nên không cần thiết phải nêu cụ thể.

Thứ hai, thành phần của Hội đồng xét xử sơ thẩm không đúng quy định BLTTDS hoặc có vi phạm nghiêm trọng khác về thủ tục tố tụng.

Như vậy, HĐXX phúc thẩm có thể hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại trong hai trường hợp:

- Thành phần của HĐXX sơ thẩm không đúng quy định BLTTDS. Đây là trường hợp thành phần HĐXX sơ thẩm không tuân theo đúng quy định tại Điều 52 BLTTDS; thành phần HĐXX sơ thẩm tuân theo đúng quy định của pháp luật nhưng thẩm phán, hội thẩm nhân dân đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, đã hết nhiệm kỳ chưa được tái nhiệm, bầu lại mà vẫn xét xử hoặc thẩm phán, hội thẩm nhân dân thuộc những trường hợp phải từ chối hoặc bị thay đổi theo quy định tại Điều 46, 47 BLTTDS nhưng họ vẫn tham gia xét xử;

- Có vi phạm nghiêm trọng khác về thủ tục tố tụng. Do BLTTDS không có quy định cụ thể các trường hợp sai sót bị coi là vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng nên việc đánh giá trường hợp nào là vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng hoàn toàn dựa vào ý chí chủ quan của HĐXX. Có ý kiến cho rằng, “vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng là việc tòa án cấp sơ thẩm đã có những sai phạm về mặt thủ tục tố tụng dẫn

đến việc giải quyết xét xử vụ án không tuân thủ những quy định của pháp luật tố tụng dân sự làm ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của các đương sự trong vụ án”⁵. Ý kiến này có những điểm hợp lý là, việc không thực hiện hoặc thực hiện không đúng các thủ tục tố tụng dân sự mà BLTTDS quy định trong quá trình giải quyết vụ án đều có thể dẫn đến việc giải quyết vụ án không đúng, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Trên thực tế, các vi phạm nghiêm trọng khác về thủ tục tố tụng thường được thực hiện dưới dạng: tòa án không hòa giải trước khi xét xử sơ thẩm đối với các vụ án dân sự bắt buộc phải hòa giải; vi phạm các quy định về thủ tục hòa giải; bỏ sót người tham gia tố tụng; xét xử vắng mặt các đương sự không đúng các trường hợp do luật quy định; việc xét xử tại phiên tòa không tiên hành theo đúng trình tự, thủ tục mà pháp luật quy định...

Tuy nhiên, theo chúng tôi, để giải quyết đúng vụ án dân sự, những người tiên hành tố tụng và người tham gia tố tụng phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Mọi hành vi vi phạm nghiêm trọng pháp luật tố tụng dân sự dẫn đến việc tòa án ra một bản án, quyết định dân sự không đúng, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự đều phải xét xử lại. Do đó, nếu nói HĐXX phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại khi có vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng sẽ không phản ánh hết những vi phạm pháp luật tố tụng dân sự, vì ngoài thủ tục tố tụng, luật tố tụng dân sự còn có những quy định khác như các nguyên tắc cơ bản quy định tại Chương II BLTTDS, thẩm quyền xét xử, thành phần HĐXX, chứng minh và chứng cứ và những quy định chung khác mà tòa án cần phải tuân theo trong quá trình giải quyết vụ án. Tuy nhiên, không phải tất cả các vi phạm pháp luật tố tụng dân sự của tòa án cấp sơ thẩm đều là căn cứ để HĐXX phúc thẩm hủy

bản án sơ thẩm để xét xử lại mà những vi phạm pháp luật tố tụng dân sự này phải đến mức nghiêm trọng, tức là làm cho việc giải quyết vụ án thiếu khách quan, toàn diện, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Còn những vi phạm pháp luật tố tụng dân sự không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, bản án sơ thẩm của tòa án đã giải quyết đúng về nội dung thì không coi là căn cứ để HĐXX phúc thẩm hủy bản án, quyết định và xét xử lại, như vi phạm về thời hạn xét xử... Vấn đề này, pháp luật tố tụng dân sự nước ta đã từng quy định trong Công văn số 196/NCPL ngày 24/02/1965 của Tòa án nhân dân tối cao, theo đó, “bản án sơ thẩm bị chống án về nội dung (mà thường là chỉ chống án về nội dung) sau khi kiểm tra lại toàn bộ vụ án, tòa án phúc thẩm có thể phát hiện thêm sai lầm, thiếu sót về thủ tục tố tụng. Nếu những thiếu sót đó không nghiêm trọng thì tòa án phúc thẩm lưu ý tòa án cấp dưới để rút kinh nghiệm tránh sai sót về sau...”⁶.

Ngoài ra, việc BLTTDS không quy định quyền hủy một phần bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại là một thiếu sót cần được bổ sung, bởi trong nhiều trường hợp quyết định của tòa án cấp sơ thẩm chỉ sai sót một phần còn các phần khác của bản án sơ thẩm vẫn chính xác thì HĐXX phúc thẩm không có căn cứ để hủy một phần bản án sơ thẩm.

Từ những phân tích trên, chúng tôi kiến nghị sửa đổi Điều 277 BLTTDS theo hướng: Hội đồng xét xử phúc thẩm *hủy một phần* hoặc toàn bộ bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án trong các trường hợp sau đây:

1. *Kết luận trong bản án sơ thẩm không phù hợp với tình tiết khách quan của vụ án*

⁶ Tòa án nhân dân tối cao, Tập hệ thống hóa luật lệ về tố tụng dân sự (ban hành đến ngày 31/12/1974), 1977, tr. 131.

⁵ Xem: Đào Duy Vương, Luận văn đã dẫn, tr. 35-36.

mà tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được;

2. Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật tố tụng dân sự dẫn đến việc tòa án ra bản án sơ thẩm không có căn cứ, hợp pháp, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

4. Quyền huỷ bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án

Theo Điều 278 BLTTDS, HĐXX phúc thẩm huỷ bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án nếu trong quá trình giải quyết vụ án tại tòa án cấp sơ thẩm, vụ án thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 192 BLTTDS. Đây là trường hợp tòa án cấp sơ thẩm khi giải quyết vụ án đã không phát hiện ra những căn cứ quy định tại Điều 192 BLTTDS và vẫn xét xử vụ án theo thủ tục chung, nhưng tòa án cấp phúc thẩm khi giải quyết lại vụ án đã phát hiện ra vụ án có một trong các căn cứ này nên phải đình chỉ giải quyết vụ án. Vậy, nếu những căn cứ ở Điều 192 BLTTDS chỉ đến giai đoạn phúc thẩm mới xuất hiện thì tòa án cấp phúc thẩm ra quyết định gì? Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hay quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm. Đây là một vấn đề mà BLTTDS quy định chưa đầy đủ. Trong khi đó, nếu những căn cứ ở Điều 192 BLTTDS xuất hiện trong quá trình tòa án xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm thì BLTTDS lại có quy định đó là tòa án giám đốc thẩm, tái thẩm ra quyết định huỷ bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật và đình chỉ giải quyết vụ án (Điều 300 và Điều 309 BLTTDS). Hoặc trong các pháp lệnh trước đây, tại Điều 69 Pháp lệnh Thủ tục giải quyết các vụ án dân sự, Điều 70 Pháp lệnh Thủ tục giải quyết các vụ án kinh tế, Điều 70 Pháp lệnh Thủ tục giải quyết các tranh chấp lao động đều quy định, nếu trong quá trình giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm có căn cứ để chấm dứt việc giải quyết vụ án thì

tòa án cấp phúc thẩm ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án. Tuy nhiên, các pháp lệnh trước đây không quy định về hậu quả pháp lý đối với bản án sơ thẩm. Vậy, chúng ta xem xét từng căn cứ ở Điều 192 BLTTDS:

* Về trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 192 BLTTDS: nguyên đơn hoặc bị đơn là cá nhân đã chết mà quyền và nghĩa vụ không được thừa kế hoặc cơ quan, tổ chức bị giải thể hoặc bị tuyên bố phá sản mà không có cá nhân, cơ quan, tổ chức nào kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng. Nếu hai căn cứ này xuất hiện ở giai đoạn phúc thẩm thì quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 BLTTDS tòa án cấp phúc thẩm ra quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm. Tuy nhiên, theo chúng tôi đình chỉ xét xử phúc thẩm trong trường hợp này là không hợp lý. Bởi lẽ, đình chỉ xét xử phúc thẩm là việc tòa án cấp phúc thẩm chấm dứt hoạt động tố tụng giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm và kết quả của quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm sẽ được công nhận, theo đó quyền và nghĩa vụ của các bên được ấn định trong bản án, quyết định sơ thẩm sẽ được tôn trọng và có hiệu lực thi hành. Nhưng đình chỉ xét xử phúc thẩm khi có căn cứ ở điểm a và điểm b khoản 1 Điều 192 BLTTDS thì không thể tuyên bố bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật và không thể thi hành vì các đương sự đã chết hoặc cơ quan, tổ chức đã bị giải thể hoặc bị tuyên bố phá sản. Do đó, theo chúng tôi, các căn cứ ở điểm a và điểm b khoản 1 Điều 192 BLTTDS xuất hiện trong quá trình giải quyết vụ án ở tòa án cấp phúc thẩm thì tòa án cấp phúc thẩm sẽ ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án chứ không ra quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm vì khi xuất hiện các căn cứ này ở giai đoạn phúc thẩm, vụ án sẽ không thể tiếp tục giải quyết được nữa và đương nhiên tòa án cấp phúc thẩm phải chấm dứt việc giải quyết đối với toàn bộ vụ án, đồng thời bản án, quyết định sơ thẩm cũng sẽ không được công nhận.

* Về trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 192 BLTTDS: Người khởi kiện rút đơn khởi kiện và được tòa án chấp nhận hoặc người khởi kiện không có quyền khởi kiện

Thứ nhất, về căn cứ người khởi kiện rút đơn khởi kiện nếu xảy ra ở cấp phúc thẩm thì theo quy định tại Điều 269 BLTTDS, HĐXX phúc thẩm phải hỏi ý kiến của bị đơn, nếu bị đơn không đồng ý thì không chấp nhận việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn. Nếu bị đơn đồng ý thì chấp nhận việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn. HĐXX phúc thẩm ra quyết định hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án.

Thứ hai, căn cứ người khởi kiện không có quyền khởi kiện chỉ có thể xảy ra trong quá trình tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án nhưng tòa án cấp sơ thẩm không phát hiện ra và tòa án cấp phúc thẩm khi giải quyết lại vụ án phát hiện ra căn cứ này nên tòa án cấp phúc thẩm căn cứ vào Điều 278 BLTTDS để đình chỉ giải quyết vụ án và hủy bản án sơ thẩm.

* Về trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều 192 BLTTDS: Cơ quan, tổ chức rút văn bản khởi kiện trong trường hợp không có nguyên đơn hoặc nguyên đơn yêu cầu không tiếp tục giải quyết vụ án

Căn cứ này có thể xảy ra ở tòa án cấp phúc thẩm. Đây là trường hợp cơ quan, tổ chức khởi kiện để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khác theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 162 BLTTDS. Khi tòa án cấp phúc thẩm giải quyết lại vụ án thì cơ quan, tổ chức này đã rút lại đơn khởi kiện của mình. Tuy nhiên, hiểu như thế nào là cơ quan, tổ chức rút văn bản khởi kiện trong trường hợp không có nguyên đơn? Đây là trường hợp cơ quan, tổ chức khởi kiện để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khác nhưng người này không phải là người cần phải được bảo vệ, họ không có quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm hoặc tranh chấp hay người cần được bảo vệ đã chết và

cơ quan, tổ chức đã rút lại văn bản khởi kiện của mình. Vấn đề này cơ quan nhà nước có thẩm quyền chưa có hướng dẫn và thực tế hầu như cũng không có trường hợp cơ quan, tổ chức rút văn bản khởi kiện trong trường hợp không có nguyên đơn. Còn trường hợp cơ quan, tổ chức rút văn bản khởi kiện trong trường hợp nguyên đơn yêu cầu không tiếp tục giải quyết vụ án được hiểu là cơ quan, tổ chức khởi kiện để bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn, nhưng bản thân nguyên đơn lại không muốn tòa án giải quyết vụ án và họ đã yêu cầu tòa án không giải quyết vụ án đó nữa. Khi đó, cơ quan, tổ chức cũng rút lại văn bản khởi kiện của mình và tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án. Tuy nhiên, nếu cơ quan, tổ chức rút lại văn bản khởi kiện nhưng nguyên đơn lại muốn tiếp tục giải quyết vụ án thì tòa án có đình chỉ không hay vẫn giải quyết trên cơ sở yêu cầu của nguyên đơn. BLTTDS cũng không có quy định về trường hợp này.

Theo chúng tôi, để giải quyết những vướng mắc trên, điểm d khoản 1 Điều 192 BLTTDS nên quy định lại theo hướng: “Cơ quan, tổ chức rút văn bản khởi kiện, từ trường hợp nguyên đơn vẫn yêu cầu tòa án giải quyết vụ án”. Nếu căn cứ này xuất hiện ở cấp phúc thẩm thì tòa án cấp phúc thẩm đình chỉ giải quyết vụ án và hủy bản án sơ thẩm.

* Về trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều 192 BLTTDS: Các đương sự đã tự thỏa thuận và không yêu cầu tòa án tiếp tục giải quyết vụ án

Căn cứ này có thể xảy ra trong giai đoạn phúc thẩm, như bản án sơ thẩm tuyên bố anh A có nghĩa vụ trả nợ cho anh B là 100 triệu đồng. Anh A kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, A và B đã tự thỏa thuận được với nhau là A chỉ trả cho B 80 triệu đồng và không có yêu cầu tòa án cấp phúc thẩm giải quyết vụ án. Trường hợp này BLTTDS và NQ số 05/2006/NQ-HĐTP cũng không có quy định.

Theo chúng tôi, khi các đương sự đã tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án thì chính sự tự thỏa thuận này đã làm chấm dứt hoạt động giải quyết vụ án dân sự đồng thời phù nhận giá trị pháp lí của bản án sơ thẩm. Vì vậy, trong trường hợp này tòa án cấp phúc thẩm nên ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án và hủy bản án sơ thẩm.

** Về trường hợp quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 BLTTDS: Nguyên đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt*

Nếu căn cứ này xuất hiện ở giai đoạn phúc thẩm thì chúng ta áp dụng khoản 2 Điều 266 BLTTDS và Mục III.2 NQ số 05/2006/NQ-HĐTP để giải quyết. Đó là, nếu nguyên đơn là người kháng cáo đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa, thì bị coi là từ bỏ việc kháng cáo và HĐXX phúc thẩm ra quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án có kháng cáo của người kháng cáo vắng mặt (nếu trong vụ án không có người kháng cáo khác). Trường hợp có nhiều nguyên đơn kháng cáo mà có người kháng cáo thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 266 của BLTTDS, thì HĐXX phúc thẩm tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án theo thủ tục chung đối với kháng cáo của những người kháng cáo có mặt tại phiên tòa. Đối với phần vụ án có kháng cáo của người kháng cáo vắng mặt, thì HĐXX phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm mà không phải ra quyết định riêng bằng văn bản, nhưng phải ghi rõ quyết định này trong bản án, nếu phần vụ án có kháng cáo của người kháng cáo vắng mặt không liên quan đến phần khác của bản án bị kháng cáo, kháng nghị. Nếu nguyên đơn không phải là người kháng cáo thì tòa án cấp phúc thẩm vẫn tiến hành xét xử.

**Về trường hợp quy định tại điểm g khoản 1 Điều 192 BLTTDS: Đã có quyết định của tòa án mở thủ tục phá sản đối với doanh nghiệp, hợp tác xã là một bên đương sự trong vụ án mà việc giải quyết vụ án có*

liên quan đến nghĩa vụ, tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã đó

Căn cứ này có thể xuất hiện ở tòa án cấp phúc thẩm. Đó là, trong quá trình giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm thì doanh nghiệp, hợp tác xã là một bên đương sự trong vụ án bị tòa án ra quyết định mở thủ tục phá sản. Trong trường hợp này, tòa án cấp phúc thẩm đang giải quyết vụ án theo thủ tục tố tụng dân sự ra quyết định gì? BLTTDS cũng không có quy định về vấn đề này. Theo chúng tôi, về nguyên tắc khi một vụ án đang được tòa án giải quyết mà đương sự trong vụ án đó có liên quan đến việc giải quyết yêu cầu mở thủ tục phá sản thì vụ án đang được tòa án giải quyết sẽ không được giải quyết, các yêu cầu của đương sự sẽ được giải quyết theo thủ tục phá sản. Do đó, tòa án cấp phúc thẩm ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án và hủy bản án sơ thẩm. Tuy nhiên, theo quy định của Luật Phá sản thì sau khi tòa án ra quyết định mở thủ tục phá sản thì tòa án cho phép doanh nghiệp, hợp tác xã tiến hành thủ tục phục hồi kinh doanh. Nếu doanh nghiệp, hợp tác xã phục hồi được hoạt động kinh doanh thì thẩm phán ra quyết định đình chỉ thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh và sau khi có quyết định này thì vụ án được giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự lại được tiếp tục. Nếu doanh nghiệp, hợp tác xã không phục hồi được hoạt động kinh doanh và không thanh toán được các khoản nợ đến hạn khi chủ nợ có yêu cầu thì tòa án ra quyết định mở thủ tục thanh lý tài sản. Như vậy, về bản chất, cho đến khi tòa án ra quyết định mở thủ tục thanh lý tài sản thì lúc đó vụ án được giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự mới bị dừng hẳn lại và những vấn đề liên quan đến nghĩa vụ, tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã mới chính thức được giải quyết theo thủ tục phá sản. Còn khi tòa án ra quyết định mở thủ tục phá sản thì vụ án được giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự chưa dừng hẳn mà chỉ là tạm thời chấm dứt về mặt tố tụng, nó có thể vẫn được tiếp tục giải quyết khi tòa án ra quyết định

đình chỉ thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh. Do đó, theo chúng tôi quy định như khoản 2 Điều 57 Luật Phá sản năm 2005 và điểm g khoản 1 Điều 192 BLTTDS là không phù hợp với bản chất của đình chỉ giải quyết vụ án. Nên điểm g khoản 1 Điều 192 BLTTDS và khoản 2 Điều 57 Luật Phá sản năm 2005 nên quy định theo hướng: Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án khi: **“đã có quyết định của toà án mở thủ tục thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp, hợp tác xã là một bên đương sự trong vụ án mà việc giải quyết vụ án có liên quan đến nghĩa vụ, tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã đó”**. Và nếu căn cứ này xuất hiện ở giai đoạn phúc thẩm thì tòa án cấp phúc thẩm đình chỉ giải quyết vụ án và hủy bản án sơ thẩm.

* Về trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 192 BLTTDS: *Vụ án thuộc trường hợp trả lại đơn khởi kiện quy định tại Điều 168 BLTTDS*

Những căn cứ này chỉ có thể xảy ra trong quá trình tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án nhưng tòa án cấp sơ thẩm không phát hiện ra và tòa án cấp phúc thẩm khi giải quyết lại vụ án phát hiện ra các căn cứ này nên tòa án cấp phúc thẩm căn cứ vào Điều

278 BLTTDS để đình chỉ giải quyết vụ án và hủy bản án sơ thẩm.

Từ những phân tích trên, chúng tôi đưa ra kiến nghị như sau:

Điểm d và g khoản 1 Điều 192 BLTTDS nên sửa đổi lại theo hướng:

“d) *Cơ quan, tổ chức rút văn bản khởi kiện, trừ trường hợp nguyên đơn vẫn yêu cầu toà án giải quyết vụ án;*

g) **Đã có quyết định của toà án mở thủ tục thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp, hợp tác xã là một bên đương sự trong vụ án mà việc giải quyết vụ án có liên quan đến nghĩa vụ, tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã đó”**.

Bổ sung một điều luật quy định về đình chỉ giải quyết vụ án ở tòa án cấp phúc thẩm:

Trước khi mở phiên tòa phúc thẩm hoặc tại phiên tòa phúc thẩm nếu vụ án thuộc các trường hợp được quy định tại điểm a, b, d, đ, g khoản 1 Điều 192 BLTTDS thì HĐXX phúc thẩm ra quyết định hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án.

Khi HĐXX ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án thì nguyên đơn không có quyền khởi kiện lại vụ án.

(Tiếp theo trang 30 – Bàn về vai trò của chế định ...)

3. Kết luận

Trong quá trình cải cách tư pháp ở nước ta hiện nay, một trong những yêu cầu trọng tâm của tiến trình cải cách tư pháp chính là làm cho vai trò của toà án ngày càng độc lập hơn đối với các cơ quan quyền lực khác. Việc độc lập của toà án không chỉ đòi hỏi nâng cao năng lực xét xử của các thẩm phán, mà các toà án muốn có được vị thế độc lập phải có những cơ chế hữu hiệu trong tổ chức thực hiện quyền lực mới đảm bảo được sự độc lập của mình.

Ngoài những yêu cầu thay đổi tổ tụng xét hỏi bằng tổ tụng tranh tụng thì một đòi hỏi không kém phần quan trọng đó là, cũng

phải nhận thức và quy định lại chế định về hội thẩm nhân dân, hoàn thiện chế định này theo nghĩa đây là một chế định tham gia của xã hội vào quá trình xét xử của tòa án. Nghĩa là phân định rõ các giai đoạn tham gia của hội thẩm nhân dân trong quá trình xét xử vụ án như trình bày ở trên. Đồng thời, yêu cầu các thẩm phán phải tự chịu trách nhiệm cá nhân về các phán quyết của mình. Các ý kiến của hội thẩm nhân dân thực chất là các ý kiến xã hội và họ chỉ có quyền đưa ra ý kiến chứ không có quyền đưa ra phán quyết và họ có quyền bảo lưu ý kiến của mình trong hồ sơ vụ án, tránh cơ chế quyết định tập thể và không ai phải chịu trách nhiệm về các phán quyết hội đồng đó.